

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16/6/2023
V/v “Tranh chấp xin ly hôn và
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Quang Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Đức Tuấn và bà Hoàng Thị Phương Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Ân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Liên Hoa, Kiểm sát viên dự khuyết: Ông Võ Văn B.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (Số A T, Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 56/2022/TLST-HNGĐ ngày 27/7/2022 về việc “Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2023/QĐ-ST ngày 02 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị Phương A, sinh năm: 1983; Nơi cư trú: 1 Đ, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Quang T, sinh năm: 1979; Nơi cư trú: 1 Đ, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi ở hiện nay: XINBEI SHULIN.LIN.XIZHEN JIEER CLUAN, 185 HAO, TAIWAN (Đài Loan). Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Dương Thị Phương A cùng các tài liệu chứng cứ khác được thu thập có tại hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hôn nhân: Bà Dương Thị Phương A và ông Nguyễn Quang T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/9/2005. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T đi lao động tại Đài Loan sau đó không về nước, vợ chồng không liên lạc với nhau nên phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Mặt

khác, hoàn cảnh mỗi người một nơi nên hạnh phúc gia đình không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Dương Thị Phương A có nguyện vọng xin được ly hôn với ông Nguyễn Quang T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Sau khi kết hôn bà Dương Thị Phương A và ông Nguyễn Quang T có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Phương T1, sinh ngày: 25/6/2007 và cháu Nguyễn Thị Phương U, sinh ngày 28/3/2016. Bà Phương A có nguyện vọng nuôi cả hai con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Dương Thị Phương A khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn của ông Nguyễn Quang T đề ngày 22/5/2023 gửi về từ Đài Loan, ông T trình bày về việc ly hôn, nuôi con chung với bà Phương A như sau:

Ông Nguyễn Quang T đồng ý ly hôn với bà Dương Thị Phương A. Về con chung: Ông T có nguyện vọng mỗi người nuôi một con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bận công việc nên không thể sắp xếp về Việt Nam để tham gia tố tụng, ông T xin Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ông.

Theo lời trình bày nguyện vọng của hai cháu Nguyễn Thị Phương T1 và cháu Nguyễn Thị Phương U:

Cháu Nguyễn Thị Phương T1, sinh ngày: 25/6/2007 có nguyện vọng được ở với bố nếu bố về Việt Nam sống, nếu bố không ở Việt Nam thì cháu có nguyện vọng ở với mẹ. Cháu Nguyễn Thị Phương U, sinh ngày 28/3/2016 có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại phiên Tòa sơ thẩm, đại diện Viện Kiểm sát có quan điểm:

Về kiểm sát tuân theo pháp luật về tố tụng và về nội dung giải quyết vụ án, tại phiên tòa Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có ý kiến như sau: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng trong vụ án đều tuân theo pháp luật tố tụng dân sự không vi phạm gì cần phải kiến nghị để khắc phục. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 81, 82, 83, khoản 1 Điều 56, Điều 122, khoản 1 Điều 127 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bà Dương Thị Phương A và ông Nguyễn Quang T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Phương A và ông T

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Phương A và ông Nguyễn Quang T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 05/9/2005, phù hợp với Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam nên hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với nhau một thời gian; sau đó ông T đi lao động tại Đài Loan cho đến nay. Vợ chồng ở xa nhau nên thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Tình cảm vợ chồng không còn nên bà Phương A xin Tòa án cho ly hôn với ông T và ông T cũng đồng ý.

Xét thấy: Mâu thuẫn tình cảm giữa bà Phương A và ông T đã trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận cho bà Dương Thị Phương A ly hôn với ông Nguyễn Quang T.

- Về con chung: Bà Phương A và ông T đều xác nhận giữa ông bà có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Phương T1, sinh ngày: 25/6/2007 và cháu Nguyễn Thị Phương U, sinh ngày 28/3/2016. Xét nguyện vọng giữa các bên: Bà Phương A yêu cầu được nuôi hai con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, ông T có nguyện vọng nuôi một con chung nhưng hiện nay ông sống và làm việc ở nước ngoài nên không có điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng con chung, cháu T1 có nguyện vọng nếu bố về Việt nam sống thì cháu ở với bố và nếu bố không về Việt Nam sống thì cháu ở với mẹ, cháu U có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao hai con chung cho bà Phương A chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phương A không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phương A và ông T đều xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà Dương Thị Phương A phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 51, 81, 82, 83, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Dương Thị Phương A được ly hôn với ông Nguyễn Quang T.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của bà Dương Thị Phương A. Giao hai cháu Nguyễn Thị Phương T1, sinh ngày: 25/6/2007 và cháu Nguyễn Thị Phương U, sinh ngày 28/3/2016 cho bà Dương Thị Phương A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Quang T có quyền thăm nom con chung theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Dương Thị Phương A và ông Nguyễn Quang T đều xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Dương Thị Phương A phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp (Biên lai thu tiền số: AA/2021/0000148 ngày 27/7/2022 của Cục THADS tỉnh T), bà Phương A đã nộp đủ án phí.

Bản án này là sơ thẩm, bà Dương Thị Phương A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Ông Nguyễn Quang T đang ở nước ngoài có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Cục THADS tỉnh TT Huế;
- UBND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Tòa DS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Quang Bình